

Uông Bí, ngày 20 tháng 9 năm 2024

CÔNG KHAI
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024-2025

- Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo Thông tư Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Căn cứ vào Kế hoạch số 151/KH-THPTUB ngày 19/9/2024 về công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, Trường THPT Uông Bí phổ biến các nội dung công khai trong cuộc họp CMHS đầu năm học 2024-2025 như sau:

I. NỘI DUNG CÔNG KHAI:

1. Công khai thông tin chung về nhà trường

(1) Tên trường: Trường THPT Uông Bí

(2) Địa chỉ trụ sở, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, trang thông tin điện tử của nhà trường:

- Khu 5 – Phường Quang Trung – TP Uông Bí - Quảng Ninh;

- Điện thoại: 02033.851.432

- Địa chỉ email: [c3uong bi.quangninh@moet.edu.vn](mailto:c3uongbi.quangninh@moet.edu.vn)

- Trang thông tin điện tử: www.ubhs.edu.vn

(3) Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: Trường THPT công lập, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh

(4) Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

- Tạo lập môi trường tốt nhất cho học sinh phát triển toàn diện, mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tuy duy sáng tạo, trở thành công dân toàn cầu.

- Là trường chuẩn quốc gia, một trong những trường hàng đầu của thị xã mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành công.

- Xây dựng trường học hạnh phúc với 3 tiêu chí cốt lõi là “Yêu thương, an toàn và tôn trọng”, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và khu vực. Không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Huy động nguồn lực để phát triển

tốt nhà trường. Hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong dạy học và quản lý.

(5) Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

THPT Ông Bí là ngôi trường có bề dày truyền thống dạy và học, là nơi gắn bó, lưu giữ kỉ niệm của nhiều thế hệ thầy cô giáo và học sinh. Ngôi trường đang bước vào tuổi 50 tràn đầy sức sống, năng động với những thành tích đáng tự hào.

Trường THPT Ông Bí, tiền thân là trường cấp II-III Ông Bí được thành lập năm 1966. Những ngày mới thành lập, năm học đầu tiên (1966-1967), tổ chức nhà trường chỉ có một lớp 8 với số lượng hơn 40 học sinh; toàn trường chỉ có 7 cán bộ giáo viên, phải sinh hoạt ghép chuyên môn với trường cấp II; cơ sở vật chất rất nghèo nàn và thiếu thốn. Năm học 1968 - 1969, trường cấp II - III Ông Bí được tách ra làm 2 trường, bộ phận cấp III được tách ra và chính thức có tên Trường Cấp III Ông Bí.

Thời gian đầu mới thành lập (1966-1975) là những năm tháng kháng chiến chống Mỹ cứu nước, 5 lần di chuyển sơ tán tránh bom đạn của đế quốc Mỹ, thầy và trò kiên trì bám lớp, bám trường, vừa học, vừa lao động, đào hầm, không ngừng đẩy mạnh phong trào thi đua 'Hai tốt', 'Ba sẵn sàng'. Nhiều thầy giáo, học sinh đã tình nguyện, tạm biệt mái trường thân yêu lên đường đánh Mỹ viết lên trang sử vẻ vang của dân tộc. Thời kỳ này, quy mô trường cấp III Ông Bí tăng dần từ một lớp 8 năm 1966 lên 12 lớp với 677 học sinh. Sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, năm 1976 trường chuyển về khu trường mới tại thôn Đá Công, xã Đồng Tiến (nay thuộc khu 5 phường Quang Trung). Từ đó, quy mô, đội ngũ, cơ sở vật chất của nhà trường phát triển nhanh chóng gắn liền với quá trình phát triển của đất nước và sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Cho đến nay, trường THPT Ông Bí đã có quy mô bề thế, trường lớp khang trang, đội ngũ cán bộ, giáo viên lớn mạnh. Hiện nay, nhà trường có 30 lớp, mỗi khối 10 lớp. Có 8 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng. Có tổng số hơn 80 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đều đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn đảm bảo tốt yêu cầu ngày càng cao của xã hội; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết với nhà trường; có ý thức học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ. Số lượng Đảng viên của Đảng bộ nhà trường là 50. Các tổ chức chính trị: Đoàn thanh niên, Công đoàn đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển chung. Tập thể nhà trường đoàn kết, phấn khởi, chung tay xây tạo những thành tích mới ngày càng cao hơn.

Với sứ mệnh của mình, tập thể Thầy, Cô giáo đã luôn phấn đấu, từng bước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chất lượng giáo dục hai mặt của học sinh ngày càng có những bước phát triển đột phá. Nhiều năm gần đây, nhà trường không có học sinh

bỏ học, lưu ban, hạnh kiểm yếu. Tỷ lệ học sinh khá giỏi luôn đạt trên 80%. Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá luôn đạt hơn 90%. Số lượng HS tốt nghiệp THPT đạt tỷ lệ cao (>99%). Nhiều năm liên tục, tỷ lệ HS trúng tuyển ĐH luôn đạt từ 70% trở lên, 2 năm liền (2011-2012, 2012-2013) nhà trường là một trong 200 trường THPT có điểm thi ĐH cao nhất cả nước. Chất lượng giáo dục mũi nhọn cũng đạt được những thành tích vượt trội. Các năm học nhà trường đều có học sinh giỏi Quốc gia, có số lượng học sinh giỏi cấp Tỉnh trong nhóm cao nhất. Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, nhà trường tham gia tích cực, có nhiều giải cao và những đóng góp đáng ghi nhận.

Những thành tích nổi bật của nhà trường: Năm 2010, nhà trường được công nhận là trường THPT đạt chuẩn Quốc gia. Trong nhiều năm liên tục, nhà trường được công nhận là tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh, được tặng Giấy khen, Bằng khen các cấp: Bằng khen của UBND tỉnh; Cờ thi đua của UBND tỉnh, của Bộ GD&ĐT, của Thủ tướng chính phủ. Năm học 2013-2014, nhà trường vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Nhì. Nhiều cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp; được nhận Bằng khen, Giấy khen của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh và Sở GD&ĐT Quảng Ninh. Trong các phong trào thi đua, nhà trường được Sở GD&ĐT công nhận là tập thể xuất sắc trong phong trào “Trường học thân thiện - Học sinh tích cực”, được công an tỉnh Quảng Ninh tặng Giấy khen là “Tập thể xuất sắc trong phong trào giữ gìn An ninh trật tự”. Trường cũng đã hoàn thành công tác kiểm định chất lượng giáo dục và được công nhận đạt cấp độ 3 vào tháng 5/2015.

Trường THPT Ưông Bí hôm nay tự hào là một trong những ngôi trường có uy tín trong tỉnh Quảng Ninh, nhận được sự tin yêu, quý mến của nhiều thế hệ học sinh và cha mẹ học sinh, sự tin tưởng và quan tâm của chính quyền các cấp. Cùng với xu hướng hội nhập toàn cầu của đất nước, với phương châm giáo dục: “Trung thực - Đoàn kết - Học tập - Sáng tạo”, nhà trường đang từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin quản lý và giảng dạy. Nhà trường cũng đang thực hiện chương trình thí điểm Đề án Ngoại ngữ Quốc gia với mục đích hoà nhập, xây dựng trường học quốc tế; xây dựng đề án trường Chất lượng cao đảm bảo nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Trải qua 50 năm xây dựng và trưởng thành, các thế hệ thầy cô giáo trường THPT Ưông Bí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho vùng than Ưông Bí -Quảng Ninh và cho đất nước; biết bao thế hệ học sinh từ ngôi trường này đã trưởng thành, đi đến mọi miền Tổ quốc để xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế. Đây chính là động lực để thầy và trò nhà trường cùng tiếp tục quyết tâm nỗ lực, phấn đấu vươn lên, đạt được những mốc son cao hơn nữa, thực hiện giáo dục và đào tạo trong tình hình mới: “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu

cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập Quốc tế”, đồng thời hoàn thành sứ mệnh cao quý theo lời dạy của Bác Hồ kính yêu: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”.

(6) Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

- Họ và tên: Mạnh Hồng Hải
- Chức vụ: Bí thư Đảng ủy – Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Ưông Bí
- Số điện thoại: 0913.370.579
- Địa chỉ thư điện tử: manhhonghai.c3ub@quangninh.edu.vn

(7) Tổ chức bộ máy:

- Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập của nhà trường: Quyết định số 148/QĐ-UB ngày 04/9/1990 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 207/KHTV ngày 04/7/2001 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.

- Quyết định số 378/QĐ-SGDĐT V/v công nhận chủ tịch hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 đối với các trường THPT công lập. Quyết định số 1995/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2021 về việc thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ 2021 - 2026 Trường THPT Ưông Bí và danh sách thành viên hội đồng trường.

- Thành viên Hội đồng trường:

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ/chức danh	Ghi chú
1	Mạnh Hồng Hải	1971	Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng	
2	Phạm Thị Minh Thịnh	1980	Chủ tịch công đoàn	
3	Trần Thanh Hải	1985	Bí thư Đoàn trường	
4	Phạm Mỹ Hằng	1970	Tổ trưởng chuyên môn	
5	Trần Thị Hằng	1981	Tổ trưởng chuyên môn	
6	Phạm Thị Ngọc Hải	1975	Tổ trưởng tổ Văn phòng	
7	Vũ Hải Ninh	1981	Thư ký Hội đồng	
8	Phạm Văn Tạo	1965	Tổ trưởng Khảo thí	
9	Nguyễn Đức Cường	1965	Ủy viên Ban Cha mẹ học sinh	Đại diện CMHS
10	Nguyễn Lan Hương	2007	Học sinh	Đại diện học sinh

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;
+ Quyết định số: 1289/QĐ-SGDĐT ngày 25/08/2021 về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Hiệu trưởng.

+ Quyết định số: 10/QĐ-SGDĐT ngày 03/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Ly.

+ Quyết định số: 2584/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Phó hiệu trưởng Đinh Thị Thùy Dương.

- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

* Hiệu trưởng:

- Họ và tên: Mạnh Hồng Hải

- Chức vụ: Bí thư Đảng ủy – Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Uông Bí

- Số điện thoại: 0913.370.579

- Địa chỉ thư điện tử: manhhonghai.c3ub@quangninh.edu.vn

* Phó hiệu trưởng:

- Họ và tên: Đinh Thị Thùy Dương

- Chức vụ: Phó Bí thư Đảng ủy – Phó hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Uông Bí

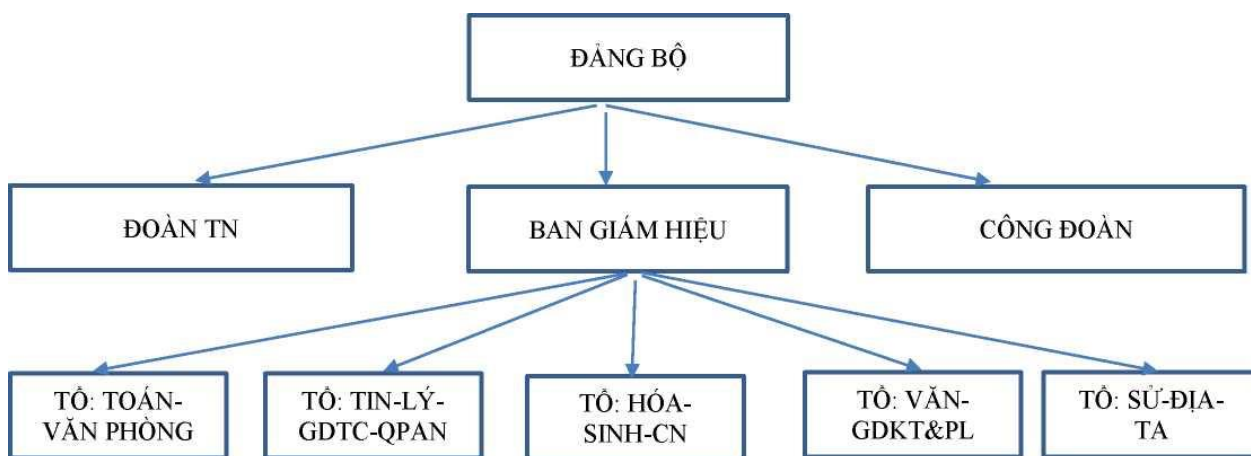
- Số điện thoại:

- Địa chỉ thư điện tử: dingthithuyduong.c3ub@quangninh.edu.vn

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường và sơ đồ tổ chức bộ máy:

Nhà trường xây dựng Quy chế hoạt động theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



(8) Các văn bản khác của nhà trường: Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của nhà trường và các quy định, quy chế nội bộ khác (văn bản kèm theo).

2. Công khai về thu, chi tài chính

(1) Tình hình tài chính của nhà trường trong năm 2023:

- Các khoản thu phân theo:

Ngân sách nhà nước chi thường xuyên: 8.852.000.000 đ

Ngân sách nhà nước chi không thường xuyên: 2.667.668.000 đ

Thu học phí: 3.780.300.000 đ

Nguồn dạy thêm, học thêm: 2.344.194.900 đ

- Các khoản chi phân theo:

Chi tiền lương: 6.005.676.165 đ

Các khoản phụ cấp theo lương: 3.081.314.244 đ

Các khoản đóng góp theo lương: 1.715.681.498 đ

Tiền thưởng: 64.656.000 đ

Thanh toán dịch vụ công cộng: 303.821.546 đ

Vật tư văn phòng: 164.577.240 đ

Thông tin, tuyên truyền, liên lạc: 52.088.984 đ

Công tác phí: 238.390.000 đ

Chi phí thuê mướn: 578.949.700 đ

Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng: 332.343.800 đ

Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành: 2.430.018.416 đ

Chi khác: 104.186.100 đ

Chi cho công tác Đảng: 28.269.000 đ

Chi lập các quỹ: 946.486.330 đ

(2) Các khoản thu và mức thu đối với người học

Học phí thu mới mức thu là 300.000 đ/ tháng

Thu dạy thêm, học thêm: 9.300 đ/1 học sinh/tiết học

Dự kiến cho từng năm học tiếp theo:

Học phí thu mới mức thu là 125.000 đ/ tháng

Thu dạy thêm, học thêm: 10.000 đ/1 học sinh/tiết học

(3) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học. Nhà trường thực hiện cấp bù miễn giảm học phí và kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh với mức là 150.000 đ/tháng/1 học sinh. Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ- CP ngày 27/08/2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

(4) Nhà trường thực hiện trích lập quỹ theo quy định.

(5) Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở được công bố công khai rộng rãi đến toàn bộ Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thông qua các mail và trên cổng thông tin điện tử.

3. Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

(1) Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

+ Lãnh đạo quản lý: 02

+ Giáo viên: 69 (42 thạc sỹ; 27 cử nhân)

+ Nhân viên: 04 (03 đại học; 01 trung cấp)

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: $75/75=100\%$

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: $75/75 = 100\%$

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Giáo viên

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2024 - 2025

- b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;
- Cán bộ quản lý 03, đạt chuẩn 100% (03/3 trình độ Cao học);
 - Giáo viên 54, đạt chuẩn 100%, trong đó 07 trình độ Cao học;
- c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.
- Cán bộ quản lý 03, đạt bồi dưỡng 100%;
 - Giáo viên 54, đạt bồi dưỡng 100%.

(2) Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	39	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	39	1,4 m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	8	2,0 m ² /HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	-
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	20.075 (m ²)	15m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6000 (m ²)	5 m ² /HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.701 (m ²)	1,4 m ² /HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	540 (m ²)	
3	Diện tích thư viện (m ²)	78 (m ²)	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	300 (m ²)	0,26 m ² /HS
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn, phòng truyền thống (m ²)	25 (m ²)	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	3	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	1	0.13
1.2	Khối lớp 11	1	0.10
1.3	Khối lớp 12	1	0.13
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	2	
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	1	
2.3	Khối lớp 12	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	2000 (m ²)	1,67 m ² /HS
4			

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	48	Số học sinh/bộ 2 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	29	1
2	Cát xét	0	0

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	-
5	Thiết bị khác...	01	-
6		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	39	29	1
2	Cát xét	0	-
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	-
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	-
5	Thiết bị khác...	01	-
		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20	35 m ²	44	35 m ²	580	25 m ²	620	25 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường (có thông báo kèm theo)

(3) Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

- Kết quả tự đánh giá của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (*báo cáo tự đánh giá năm học 2023 – 2024*)

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hàng năm: Quyết định số 81/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2020 vv cấp chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường THPT Ưông Bí (đạt Cấp độ 2); Quyết định số 80/QĐ-SGDĐT ngày 17/11/2022 V/v cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho trường THPT Ưông Bí.

4. Công khai kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

(1) Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

- Kế hoạch tuyển sinh: Kế hoạch tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025 số 86/KH-THPTUB ngày 20/04/2024.

*** Đối tượng và địa bàn tuyển sinh**

Tuyển sinh học sinh trong độ tuổi theo quy định, đã tốt nghiệp THCS có nơi thường trú tại phường: Trung Vương, Nam Khê, Phương Đông, Phương Nam, Quang Trung, Thanh Sơn; hoặc học sinh có nơi thường trú ngoài địa bàn thị xã và tốt nghiệp THCS tại các trường trên địa bàn phường trên.

*** Chỉ tiêu tuyển sinh**

Tuyển sinh 12 lớp 10, số học sinh: 540

*** Dự kiến các lớp theo môn học lựa chọn**

Môn học, hoạt động giáo dục			Số lớp	Số học sinh	Chuyên đề học tập
Môn học bắt buộc	Mã tổ hợp	Tổ hợp 4 học lựa chọn			
Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, GDTC, GDQPAN, HĐTNHN, Nội dung GDĐP	1	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công Nghệ	02	90	Toán, Vật lí, Hóa học
	2	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	01	45	Toán, Hóa học, Sinh học
	3	Vật lí, Hóa học, Tin học, Địa	04	160	Toán, Hóa học, Tin học
	4	Vật lí, Hóa học, Tin học, GDKT&PL	01	45	Toán, Hóa học, Tin học
	5	Vật lí, Hóa học, Tin học, Địa	01	90	Toán, Ngữ văn, Vật lí
	6	Hóa, Sinh-GDKT&PL, Tin	01	45	Hóa, Sinh-GDKT&PL, Tin
	7	Sinh, Địa, GDKT&PL, Tin	01	45	Sinh, Địa, GDKT&PL, Tin
	8	Lý, Địa, GDKT&PL, Mỹ thuật	01	45	Lý, Địa, GDKT&PL, Mỹ thuật

*** Phương thức tuyển sinh**

+ Áp dụng phương thức thi tuyển 03 môn: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (Theo lịch thi tại công văn 1338/SGDĐT-TCCBQLCL)

+ Địa điểm thi: Trường THPT Ưng Bí.

*** Hồ sơ đăng ký dự tuyển**

+ Học sinh đang học lớp 9 năm học 2023 – 2024 đăng ký dự thi theo hướng dẫn của trường THCS từ ngày 06/5/2024 đến 12/5/2024.

+ Thí sinh tự do thực hiện đăng ký trực tiếp tại trường THPT nơi thí sinh có nguyện vọng xét tuyển.

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường: Quyết định số 119/QĐ-HĐT ngày 01/9/2024 Quyết định ban hành kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 – 2025.

- Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh: Quyết định số: 129/QĐ-THPTUB ngày 02/10/2024 V/v ban hành Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, và cộng đồng về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe học sinh năm học 2024-2025

- Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh tại nhà trường.

(2) Thông tin về kết quả giáo dục của năm học trước: (*Bảng kết quả kèm theo*)

- Kết quả tuyển sinh năm 2023 - 2024: 11 Lớp 10 với 495 học sinh;

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của BGDĐT; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, không được lên lớp;

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các trường đại học. (*Bảng kết quả*)

Năm học	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh	83 (5 Nhất)	95 (2 Nhất)	101 (7 Nhất)	114 (7 giải Nhất)	124 (9 giải Nhất)	77 (4 giải Nhất)	85 (5 Nhất, 17 Nhì, 30 Ba, 33 KK, đạt tỉ lệ cao nhất (72,03%) trong các trường	86 (05 Nhất, 13 Nhì, 27 Ba, 41 Khuyến khích, đạt tỉ lệ cao nhất (72,27%) trong

							THPT toàn tỉnh)	toàn tỉnh)
Thi Khoa học Kĩ thuật	5 cấp tỉnh (2 Nhất); 1 Nhì cấp quốc gia	4 cấp tỉnh (1 Nhất, 1 Nhì, 2 Ba); 1 Ba cấp quốc gia	4 tỉnh (1 Nhất); 1 giải Tư cấp Quốc gia	4 cấp tỉnh (2 giải Nhất; 2 Nhì); 1 sản phẩm tham gia cấp Quốc gia.	4 cấp tỉnh (2 Nhất, 1 Ba, 1 Tư)	6 cấp tỉnh (2 Nhất, 2 Nhì, 1 Ba, 1 Tư); 1 sản phẩm tham gia cấp Quốc gia, đạt giải Triển vọng.	4 cấp tỉnh (1 Nhất, 2 Ba, 1 Tư).	4 sản phẩm đạt giải (1 giải Nhì, 2 giải Ba, 1 giải Tư).

Năm học	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 204
Tốt nghiep THPT	100%	99,17%	99,7%	100%	100%	100%	100%	100%
Đỗ Đại học đợt 1	>80%	82,3%	>87%	90,45%	90,5%	92,23	96,84	94,31%